

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Khoa

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2022/TLST-HNGĐ này 15 tháng 11 năm 2022 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 09/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Diệp T, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố Ô, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (có mặt).

+ *Bị đơn:* Ông Tô Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố Ô, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn bà Võ Thị Diệp T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Diệp T và ông Tô Văn H sống chung với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là UBND phường

T), thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau 03 năm vợ chồng chuyển về phường T, thị xã Phú Mỹ sinh sống, tại đây ông H mở xưởng may riêng và thuê mặt bằng nhà cha vợ, còn bà Trinh bán tạp hóa tại chợ Ô. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông H đi làm nhưng không đưa tiền để nuôi con, không phụ việc gia đình, không chăm sóc con. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020, không còn sống chung với nhau, ông H đã dọn ra ngoài thuê phòng trọ. Nay bà T không còn tình cảm gì với ông H nên yêu cầu ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Tô Diệp Khánh P, sinh ngày 12/07/2012 và Tô Diệp Khánh B, sinh ngày 11/9/2018. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con vì muốn con tốt hơn, ông H không đủ điều kiện nuôi con. Bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ/con. Bà T hiện nay đang buôn bán tạp hóa ở chợ Ô, thu nhập mỗi tháng khoảng 33.000.000đ. Hiện nay bà T đang ở trên căn nhà của bà T tại chợ Ô để buôn bán.

+ Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết, đối với số tiền 150.000.000đ của chung vợ chồng đã chi tiêu cho sinh hoạt gia đình nên không còn để chia.

+ Về nợ: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Tô Văn H trình bày:

+ Về hôn nhân: Quá trình kết hôn đúng như bà T trình bày. Sau khi kết hôn thì tháng 7/2013 ông H chuyển đến ấp Ô ở với bà T và mở xưởng may tư nhân. Ông H có chăm sóc con, có chăm lo cho con, tháng nào không đóng tiền học cho con thì đưa tiền cho bà T 10.000.000đ. Bà T chỉ việc lo buôn bán, không có thời gian đưa con đi học, ông H là người bỏ tiền ra đi chợ về nấu cơm nước, lo cho con. Đến khi vợ chồng ly thân thì ông H không còn nấu cơm nữa mà dọn ra thuê phòng trọ. Việc nấu cơm, con cái bà ngoại chăm sóc, bà T chỉ việc buôn bán. Bà T yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện ông H phải được nuôi 01 con chung.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Tô Diệp Khánh P, sinh ngày 12/07/2012 và Tô Diệp Khánh B, sinh ngày 11/9/2018. Nếu ly hôn thì ông H yêu cầu mỗi bên nuôi 01 con chung, không phải cấp dưỡng cho nhau. Bà T yêu cầu nuôi 02 con thì ông H không đồng ý, về cấp dưỡng ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông H đang là nghề may mặc tư nhân tại nhà thuê của ông Võ Văn Th (cha vợ), đã thuê được khoảng 03 năm nay.

+ Về tài sản: Khi vợ chồng xây nhà tại khu phố Ô thì ông H có bỏ ra 150.000.000đ, nay đề nghị chia đôi số tiền này, yêu cầu bà T phải thanh toán giá trị xây nhà cho ông H là 75.000.000đ.

+ Về nợ: Ông H xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã

chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Diệp T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Tô Văn H sinh sống tại địa chỉ: khu phố Ô, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trinh yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Tô Văn H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hưng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Võ Thị Diệp T, xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

+ Căn cứ vào lời khai của bà T, ông H và giấy chứng nhận kết hôn số: 35, quyền 01/2012 của UBND xã T (nay là phường T), thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có đủ cơ sở khẳng định: Bà T và ông H tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2012 tại UBND phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

+ Bà T cho rằng vợ chồng sống bất đồng quan điểm, ông H không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, còn ông H đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện được nuôi con, xét thấy: Căn cứ vào thực tế thì hiện nay vợ chồng không còn sống chung với, ông H dọn ra ở riêng, bà T không còn tình cảm gì nên cương quyết ly hôn, xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung:

+ Vợ chồng có 02 con chung tên là Tô Diệp Khánh P, sinh ngày 12/07/2012 và Tô Diệp Khánh B, sinh ngày 11/9/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, xét thấy: Căn cứ vào lời khai của các đương sự thể hiện bà T hiện đang buôn bán tạp hóa, còn ông H có một xưởng may tư nhân cả hai đều có thu nhập tốt. Sau khi kết

hôn vợ chồng về sinh sống tại phường T trên đất đứng tên của bà T, ông H về ở rề và thuê nhà của ba vợ để làm xưởng may, nay ông H đã trả lại nhà thuê, không có chỗ ở ổn định. Ông H có nguyện vọng được nuôi con nhưng không nêu rõ được nuôi cháu nào. Xét điều kiện nuôi con của bà T tốt hơn, con chung có nguyện vọng được ở với bà T và hiện nay các con chung cũng do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

+ Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đ/tháng/02 con, xét thấy: Theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “ Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con” đối chiếu điều luật thì bà T yêu cầu cấp dưỡng là có căn cứ. Tuy nhiên, ông H thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, mức cấp dưỡng bà T yêu cầu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương của ông H số tiền còn lại không đảm bảo cho chi phí, sinh hoạt tối thiểu của ông H. Do vậy chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/con là phù hợp, thời cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, còn ông H yêu cầu bà T phải chia đôi số tiền 150.000.000đ, xét thấy: Bà T không chấp nhận chia số tiền này vì số tiền này đã chi tiêu hết không còn để chia, còn ông H không làm đơn yêu cầu, không nộp tiền tạm ứng án phí, không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Sau này ông H có chứng cứ và tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà T và ông H đều xác nhận vợ chồng không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Diệp T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Diệp T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn ông Tô Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Diệp T được ly hôn với ông Tô Văn H.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Tô Diệp Khánh P, sinh ngày 12/07/2012 và Tô Diệp Khánh B, sinh ngày 11/9/2018.

+ Giao 02 con chung tên là Tô Diệp Khánh P, sinh ngày 12/07/2012 và Tô Diệp Khánh B, sinh ngày 11/9/2018 cho bà Võ Thị Diệp T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Tô Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/con, tổng số tiền hàng tháng ông H phải cấp dưỡng nuôi 02 chung là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), thời cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ Sau khi ly hôn, bà T và ông H đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Nguyên đơn bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trường hợp ông H có tranh chấp số tiền chia số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tài sản sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà T, ông H xác nhận vợ chồng không nợ ai nên không có căn cứ để giải quyết.

5. Về án phí:

+ Bà Võ Thị Diệp T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006655 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Ông Tô Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/3/2023). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. PHú Mỹ;
 - CCTHADS TX. Phú Mỹ;
 - UBND P. T;
- (GCNKH: Số 35; Quyển 01/2012
đăng ký: 06/4/2012)
- Những người tham gia tố tụng;
 - Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Văn Cường